CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

Ngày 31/03/2024	12,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

ROE (2023): -18.8% | +/- YoY ▲ 10.5%

	Q1/24	QoQ	YoY
DT thuần	0.02 tỷ VNĐ	▼ 11.2 ▼ 99.8%	
LN gộp	0.02 tỷ VNĐ	▲ 0.10 ▲ 128%	
LN thuần	-2.73 tỷ VNĐ	▲ 0.16 ▲ 5.5%	▲ 0.35 ▲ 11.3%
LN sau thuế	-2.39 tỷ VNĐ	▲ 0.51 ▲ 17.7%	▲ 0.38 ▲ 13.8%

	2023	YoY
DT thuần	11.3 tỷ VNĐ	▼ 2.50 ▼ 18.1%
LN gộp	-0.20 tỷ VNĐ	▲ 4.75 ▲ 96.0%
LN thuần	-12.5 tỷ VNĐ	▲ 4.70 ▲ 27.3%
LN sau thuế	-12.4 tỷ VNĐ	▲ 12.4 ▲ 49.9%

Kết quả kinh doanh

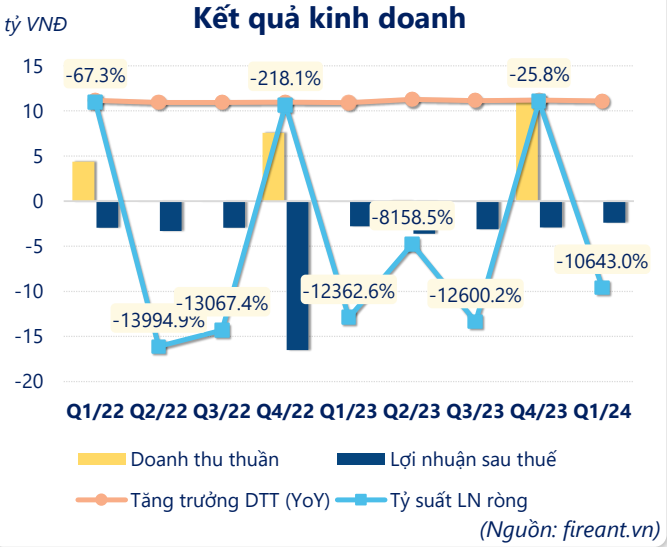

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

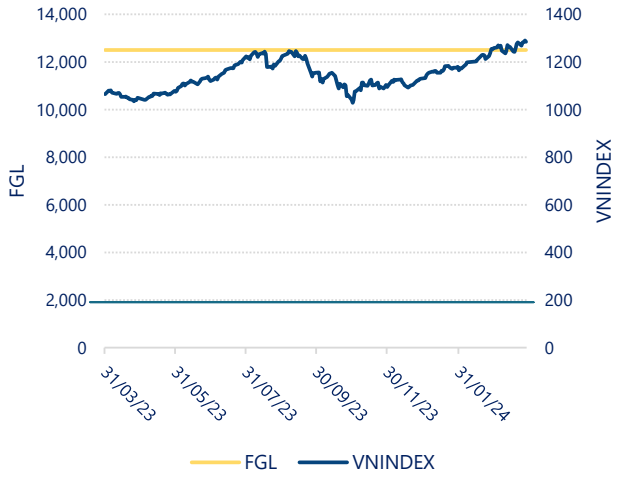

CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

Tăng trưởng lợi nhuận

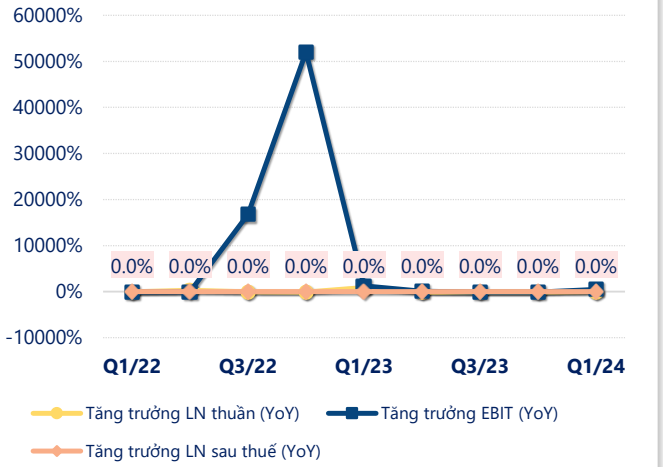

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

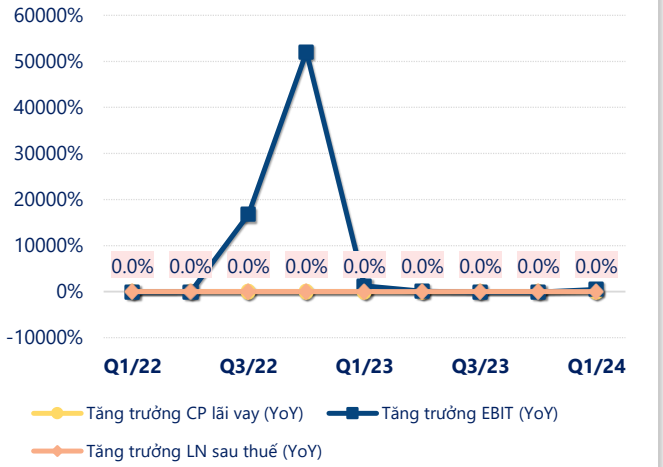

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

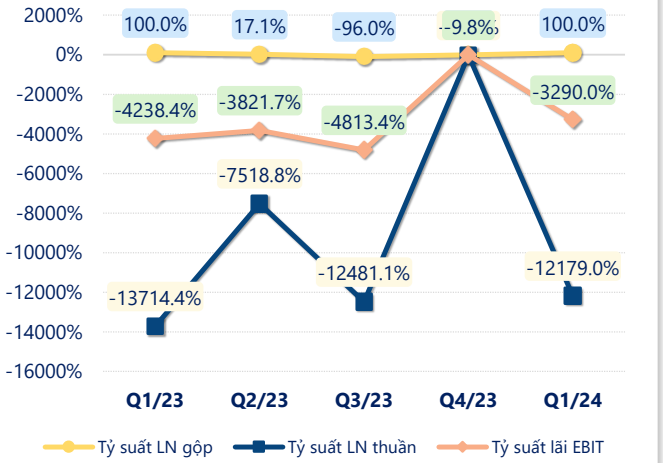

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

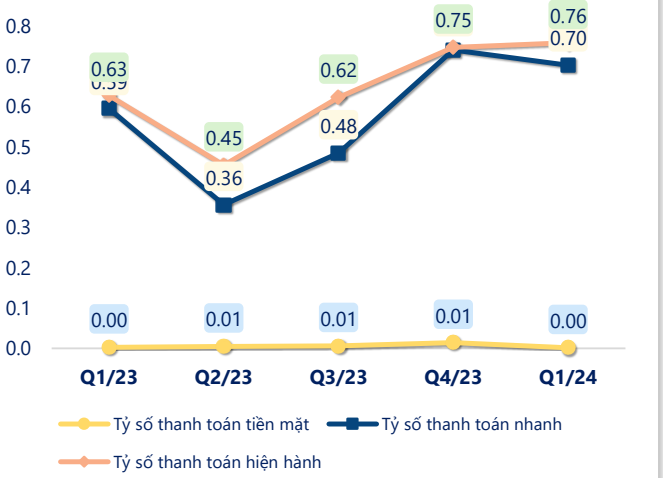

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

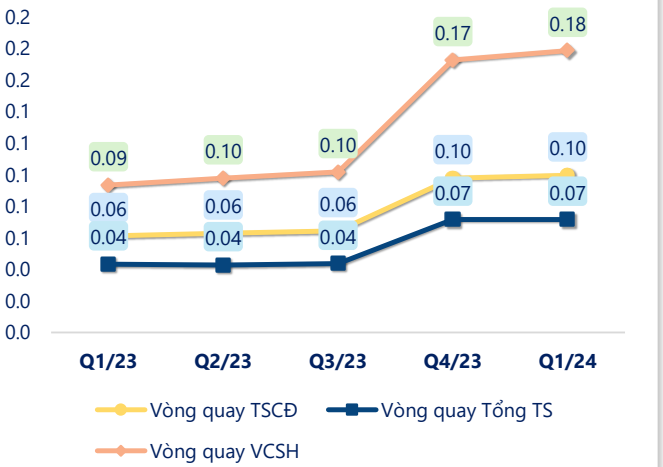

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

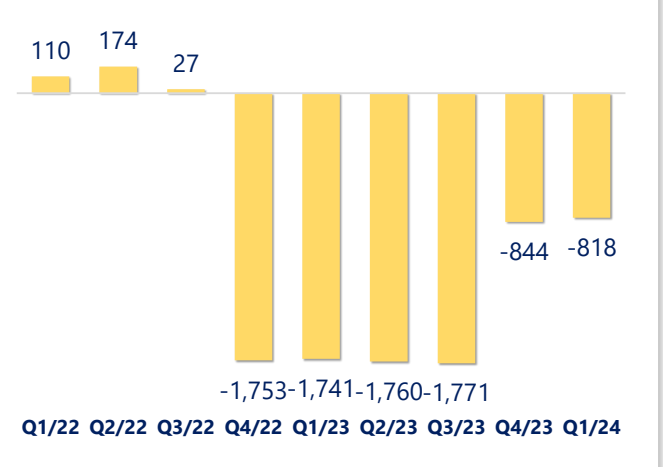

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.02**	**0.02**	**12.2%**	**11.3**	**13.8**	**-18.1%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		11.5	18.8	-38.7%
Lợi nhuận gộp	0.02	0.02	12.2%	-0.20	-4.95	96.0%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.00		0.05	0.00	1051%
Chi phí TC	1.65	1.82	-9.4%	7.46	7.07	5.6%
Chi phí lãi vay	1.65	1.82	-9.4%	7.46	7.07	5.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.02	0.01	204%
Chi phí QLDN	**1.18**	**1.28**	**-8.2%**	**4.89**	**5.20**	**-5.9%**
LN thuần từ HĐKD	-2.73	-3.08	11.3%	-12.5	-17.2	27.3%
Lợi nhuận khác	**0.34**	**0.30**	**14.8%**	**0.08**	**-7.51**	**101%**
LN trước thuế	-2.39	-2.77	13.8%	-12.4	-24.7	49.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.39**	**-2.77**	**13.8%**	**-12.4**	**-24.8**	**49.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.39**	**-2.77**	**13.8%**	**-12.4**	**-24.8**	**49.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

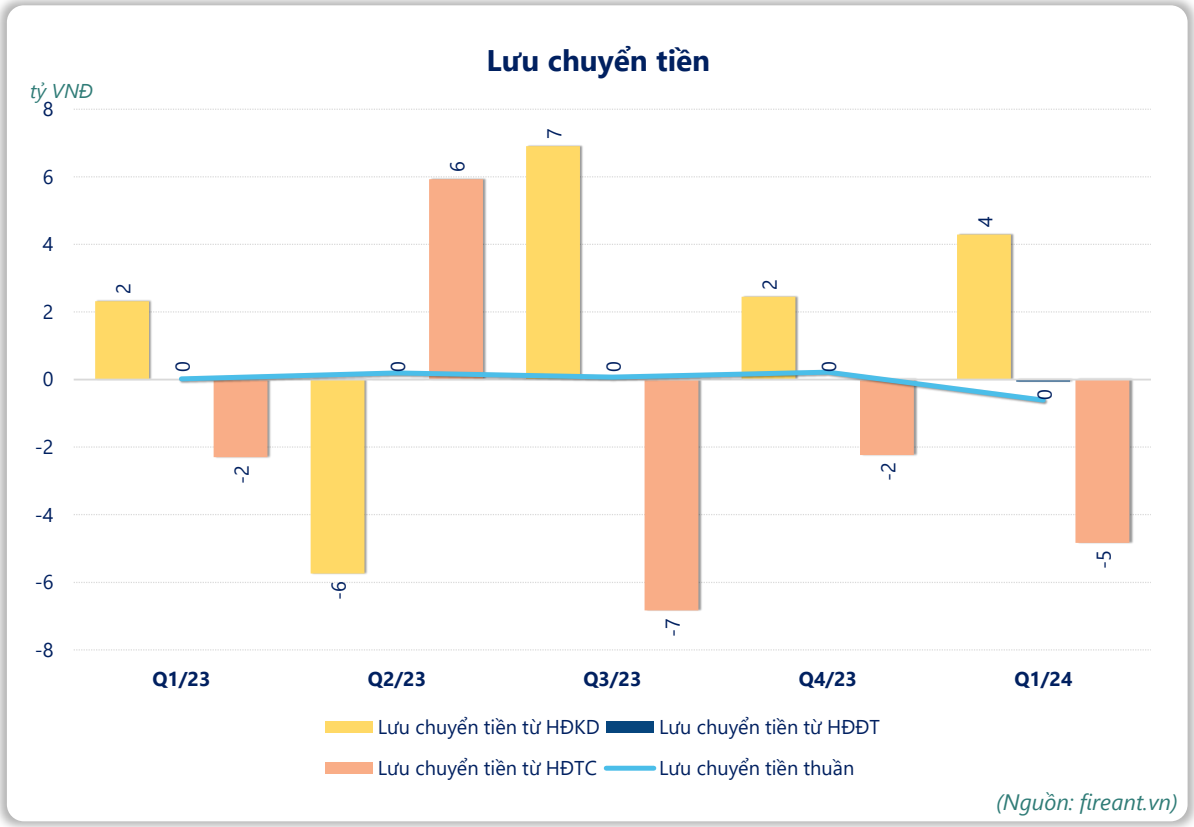

(Nguồn: fireant.vn)